TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2026/DS-ST
Ngày: 25/8/2026
V/v: "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Minh Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cảnh

Ông Lê Thành Đông

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 285/2026/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2026, về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ V, sinh năm 1997;

Địa chỉ: khóm A, phường G, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Lê Thị Trúc P, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu phố T, phường P, tỉnh V;

Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1998 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã X, tỉnh V.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã P, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ V là bà Lê Thị Kim P trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2022 bà Nguyễn Thị Mỹ V bắt đầu góp vốn với ông Nguyễn Hữu T để mở tiệm bánh AA kinh doanh tại xã P, huyện G, tỉnh B (nay là xã P, tỉnh V). Trong khoảng thời gian làm ăn chung, giữa bà V với ông T không có tranh chấp, đến ngày 09/6/2024, bà V cùng ông T thống nhất

ông T sẽ tiếp tục kinh doanh và trả lại cho bà V số tiền đã góp vốn làm ăn là 132.000.000 đồng. Hai bên có lập giấy viết tay, nội dung ông T thừa nhận nợ bà V số tiền 132.000.000 đồng, không có tiền trả một lần nên cam kết ngày 09 mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, ngày bắt đầu trả nợ là ngày 09/7/2024. Tuy nhiên, ông T chỉ trả được cho bà V được 02 tháng với số tiền 10.000.000 đồng thì không tiếp tục thanh toán. Mặc dù, bà V nhiều lần liên hệ nhưng ông T cố tình trốn tránh, không trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà V.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2026, bà V yêu cầu Tòa án buộc ông T có trách nhiệm trả cho bà số tiền còn nợ là 122.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi tạm tính từ ngày 09/9/2024 đến ngày 09/5/2026, mức lãi suất 0,83%/tháng là 20.300.800 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà V là bà P yêu cầu Tòa án buộc ông T có trách nhiệm trả cho bà V số tiền góp vốn làm ăn là 122.000.000 đồng và tự nguyện rút yêu cầu tính lãi, không có yêu cầu gì thêm.

- Theo biên bản về việc ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 07/7/2026, đơn trình bày ý kiến xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông có quen biết với bà Nguyễn Thị Mỹ V vào năm 2019, sau đó góp vốn mở tiệm bánh AA kinh doanh tại ấp P1, xã P, huyện G, tỉnh B (nay là xã P, tỉnh V). Ông và bà V góp vốn nhiều lần, khoảng thời gian khác nhau, số tiền mỗi người góp tổng cộng khoảng vài trăm triệu, quá trình kinh doanh không có tranh chấp. Đến năm 2022, bà V không còn góp vốn làm ăn, ông vẫn tiếp tục kinh doanh và thỏa thuận trả cho bà V số tiền 132.000.000 đồng. Ông thừa nhận có viết và ký tên vào giấy viết tay có tựa "Biên nhận" đề ngày 09/6/2024 do bà V cung cấp trong quá trình khởi kiện nên ông không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong vụ án này. Thời điểm đó, ông không có tiền trả cho bà V nên xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và đã trả dần được 02 tháng với số tiền 10.000.000 đồng.

Bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông có trách nhiệm trả cho bà số tiền còn nợ là 122.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi tạm tính từ ngày 09/9/2024 đến ngày 09/5/2026, mức lãi suất 0,83%/tháng là 20.300.800 đồng thì ông đồng ý trả nợ gốc và xin không phải trả lãi. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt do ông đã lớn tuổi, đi lại khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố Tụng dân sự. Đối với bị đơn không tuân thủ đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố Tụng dân sự do vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166 Bộ luật dân

sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ V, buộc ông Nguyễn Hữu T trả cho bà V số tiền hùn vốn làm ăn là 122.000.000 đồng, ghi nhận bà V không yêu cầu tính lãi. Về án phí: Ông T được miễn án phí do người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả lại số tiền đã góp vốn làm ăn là tranh chấp dân sự. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông T có nơi cư trú tại ấp M, xã P, tỉnh V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 2 Điều 1; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ V về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả lại số tiền đã góp vốn làm ăn là 122.000.000 đồng theo giấy viết tay có tựa "Biên nhận" đề ngày 09/6/2024:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà V là bà P trình bày do có mối quan hệ quen biết nên bà góp vốn với ông Nguyễn Hữu T để mở tiệm bánh AA kinh doanh tại xã P, huyện G, tỉnh B (nay là xã P, tỉnh V). Trong khoảng thời gian làm ăn chung, giữa bà V với ông T không có tranh chấp, đến ngày 09/6/2024, bà V cùng ông T thống nhất ông T tiếp tục kinh doanh và trả cho bà V số tiền đã góp vốn là 132.000.000 đồng. Hai bên có lập giấy viết tay, nội dung ông T thừa nhận nợ bà V số tiền đã góp vốn là 132.000.000 đồng, không có tiền trả một lần nên cam kết ngày 09 mỗi tháng trả dần 5.000.000 đồng, ngày bắt đầu trả nợ là ngày 09/7/2024. Tuy nhiên, ông T chỉ trả được cho bà V được 02 tháng với số tiền 10.000.000 đồng thì không tiếp tục thanh toán. Mặc dù, bà V nhiều lần

liên hệ nhưng ông T cố tình trốn tránh, không trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà V.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà V là giấy viết tay có tựa "Biên nhận" đề ngày 09/6/2024, có chữ ký, ghi họ tên "Nguyễn Hữu T", nội dung:

"Tôi tên: Nguyễn Hữu T

Hiện ngụ tại ấp AA, P, G, B

Có thiếu số tiền làm ăn tiệm bánh AA 132.000.000

một trăm ba mươi hai triệu đồng

của cháu Nguyễn Thị Mỹ V

Tôi không lo trả được số tiền kể trên một lần một

Nay tôi làm tờ giấy biên nhận này, gửi lại cho cháu hàng tháng với số tiền là 5.000.000 (năm triệu đồng chẵn)".

Tại biên bản về việc ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 07/7/2026, ông T thừa nhận có góp vốn mở tiệm bánh AA và trong khoảng thời gian làm ăn chung, giữa bà V với ông T không có tranh chấp. Đến ngày 09/6/2024, ông T cùng bà V thống nhất ông T tiếp tục kinh doanh và trả lại cho bà V số tiền đã góp vốn là 132.000.000 đồng. Sự thừa nhận của ông T phù hợp với nội dung "Biên nhận" đề ngày 09/6/2024 nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Qua đó, có cơ sở xác định giữa bà V với ông T không có tranh chấp trong quá trình kinh doanh, đã tự nguyện thỏa thuận kết thúc việc hùn góp làm ăn và ông T có trách nhiệm thanh toán cho bà V số tiền 132.000.000 đồng khi bà V không còn kinh doanh theo hình thức trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, ngày bắt đầu trả tiền là ngày 09/7/2024.

Trong quá trình thực hiện thỏa thuận trả dần, ông T chỉ trả được 02 tháng với số tiền 10.000.000 đồng, sau đó ông không thực hiện đúng thỏa thuận đã ký kết. Ông T đã vi phạm nghĩa vụ phải trả dần với kỳ hạn là ngày 9 hàng tháng, mặc dù bà V có liên hệ nhắc trả nợ nhưng ông T vẫn không thanh toán. Việc bà V khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm trả lại số tiền góp làm ăn 122.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 "Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật" nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà V là bà P tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi tạm tính từ ngày 09/9/2024 đến ngày 09/5/2026, mức lãi suất 0,83%/tháng là 20.300.800 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Qua những phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông T là người cao tuổi và có yêu cầu xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Hoàn trả cho bà V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.550.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 1; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 116, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên bà Nguyễn Thị Mỹ V đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T về việc Tranh chấp đòi lại tài sản:

1.1 Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Vân số tiền 122.000.000 (một trăm hai mươi hai triệu) đồng.

1.2 Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ V đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T về việc tính lãi số tiền 122.000.000 đồng, từ ngày 09/9/2024 đến ngày 09/5/2026, mức lãi suất 0,83%/tháng.

1.3 Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.550.000 (ba triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011xxx ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Minh Thơ